

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày: 04/9/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HS ngày 21/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Đào Thế T, sinh ngày 02/9/1979 tại Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 9/12; cha: Đào Văn Q, sinh năm 1956 (đã chết); mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1954; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979, có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không (Về nhân thân: Theo trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998 của TAND tỉnh Thái Bình, bị cáo Đào Thế T bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”); Bị bắt tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 422 ngày 02/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Trần Hồng Đ, sinh ngày 15/8/1982 tại Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 64B, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân, Trình độ học vấn: 12/12; cha: Trần Nguyên Đ, sinh năm 1953; mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1953; Gia đình bị can có 4 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không (về nhân thân: Bản án số 49/HSST ngày 08/7/2003 của Tòa án nhân dân Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Hồng Đ 04 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, còn phải nộp phạt: 5.000.000 đồng. Ngày 01/03/2016, Trần Hồng Đ đã nộp 50.000 đồng sung công, số tiền còn lại 50.000 đồng án phí HSST và 4.950.000 đồng sung công đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định miễn giảm ngày 30/5/2016); Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018 đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 423 ngày 02/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Bùi Văn K, sinh năm 1985, tại Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 16A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không, Trình độ học vấn: 9/12; cha: Bùi Văn H, sinh năm 1958; mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Gia đình bị can có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018, đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 424 ngày 02/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Nguyễn Việt T1, sinh ngày 01/7/1993, tại Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 15, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân, Trình độ học vấn: 12/12; cha: Nguyễn Việt T, sinh năm 1962; mẹ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; Gia đình bị cáo có 04 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018, đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 425 ngày 2/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5. Nguyễn Thị A, sinh ngày 24/9/1975, tại Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 15B5, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 7/12; cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 (đã chết); mẹ: Đào Thị N, sinh năm 1945; Gia đình bị cáo có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; chồng: Trịnh Xuân Đ, sinh năm 1979, có hai con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018, đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 426 ngày 02/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

6. Nguyễn Thê S, sinh ngày 01/9/1990, tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; cha: Nguyễn Đình T, sinh năm 1969; mẹ: Bùi Thị D, sinh năm 1970; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2018, đến ngày 02/5/2018, sau đó bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2018 đến ngày 02/7/2018 theo Lệnh số 427 ngày 2/5/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 15 phút ngày 27/4/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu bắt quả tang vụ đánh bạc bằng hình thức “Bầu, cua” tại ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Các đối tượng bị bắt gồm Bùi Văn K, Đào Thế T, Nguyễn Thế S, Nguyễn Thị A, Nguyễn Viết T1, Trần Hồng Đ, Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đình T, Lý Ngọc L.

*Tang vật thu giữ:

+ Thu trên chiếu bạc:

- 01 bộ dụng cụ đánh bạc gồm 01 đĩa kim loại màu trắng đường kính 24,5cm; 01 hộp hình trụ đường kính 16,5cm, cao 11,5cm, mặt đáy được bịt kín bằng nhựa có đường kính 16,5cm; 03 xúc xắc bằng giấy carton có kích thước 2,5cm x 2,5cm x 2,5cm, trên 6 mặt xúc xắc có in hình nai, bầu, gà, cá, cua, tôm.

- Số tiền: 13.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu SSJ7,

- 01 điện thoại di động hiệu FK05, màu đen.

+ Thu trong người các đối tượng:

- Đào Thế T: Số tiền 8.050.000 đồng

- Trần Hồng Đ: 01 điện thoại di động hiệu I7, màu đen, số tiền 4.250.000 đồng.

- Nguyễn Thế S: 01 điện thoại di động hiệu I7 Plus màu vàng hồng, số tiền 5.550.000 đồng.

- Nguyễn Viết T1: Số tiền 4.900.000 đồng.

- Nguyễn Thị A: 01 điện thoại di động hiệu I6 màu gold, số tiền 2.500.000 đồng.

- Nguyễn Minh P: 01 điện thoại di động hiệu I6 màu vàng hồng, 01 điện thoại di động hiệu N1200, số tiền 3.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn G: 01 điện thoại di động hiệu N105, màu đen.

- Nguyễn Đình T: 01 điện thoại di động hiệu IIT2180, màu đen, số tiền 3.400.000 đồng.

- Lý Ngọc L: 01 điện thoại di động N6233, màu đen, số tiền 2.500.000 đồng.

*Các đối tượng khai báo hành vi đánh bạc ngày 27/4/2018 như sau:

1. Bùi Văn K là chủ quán cho các đối tượng mượn địa điểm đánh bạc, cung cấp công cụ đánh bạc. Ngày 27/4/2018 K đã thu được số tiền xâu là 150.000 đồng, K phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

2 Đào Thế T mang theo số tiền 9.050.000 đồng, Tài sử dụng số tiền 1.000.000 đồng đưa cho Trần Hồng Đ tham gia làm cái đánh bạc với mọi người. Quá trình đánh bạc Tài không cầm tiền nên không rõ thắng hay thua.

3. Trần Hồng Đ mang theo số tiền 5.250.000 đồng, Đ sử dụng số tiền 1.000.000 đồng góp với Tài để làm cái. Đào Thế T, Trần Hồng Đ đánh bạc thắng mọi người số tiền 500.000 đồng thì bị bắt quả tang. Số tiền 2.500.000 đồng để dưới chiếu bạc đã bị thu giữ.

4. Nguyễn Thế S mang theo số tiền 5.900.000 đồng, S sử dụng số tiền 700.000 đồng đánh bạc với T, Đ, A, T. S thua bạc số tiền 350.000 đồng thì bị bắt quả tang. Số tiền bị thu giữ 5.550.000 đồng, trong đó có số tiền 350.000 đồng sử dụng đánh bạc.

5. Nguyễn Thị A mang theo số tiền 2.500.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, A tham gia đánh bạc không thắng, không thua, khi nhà cái đang chung bạc thì bị bắt quả tang. Bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng.

6. Nguyễn Việt T1 mang theo số tiền 5.100.000 đồng, T sử dụng số tiền 2.500.000 đồng đánh bạc, đã bị thua 200.000 đồng. Khi bị bắt, bị thu giữ số tiền 4.900.000 đồng, trong đó có số tiền 2.300.000 đồng T dùng vào mục đích đánh bạc.

7. Nguyễn Minh P mang theo số tiền 3.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, Phúc thắng 600.000 đồng thì nghỉ trước khi Công an bắt quả tang. Khi bị bắt Phúc ném bỏ 600.000 dưới chiếu bạc và bị thu giữ số tiền 3.000.000 đồng.

8. Nguyễn Văn G mang theo số tiền 190.000 đồng tham gia đánh bạc bị thua số tiền 50.000 đồng đã nghỉ đánh bạc. Khi bị bắt đã làm rơi số tiền 140.000 đồng.

9. Nguyễn Đình T mang theo số tiền 3.300.000 đồng, Thanh sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, thắng 100.000 đồng và nghỉ không tham gia, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 3.400.000 đồng, trong đó có 200.000 đồng Thanh dùng vào mục đích đánh bạc.

10. Lý Ngọc L mang theo số tiền 2.600.000 đồng, L sử dụng 200.000 đồng đánh bạc bị thua 100.000 đồng. L nghỉ đi vệ sinh, khi quay lại thì bị bắt, bị thu giữ 2.500.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng là tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Hậu quả chung vụ: 13.500.000 đồng + 350.000 đồng/S + 2.500.000 đồng/A + 2.300.000 đồng/T = 18.650.000 đồng.

*Cách thức đánh bạc bằng hình thức lắc “bầu, cua”: Người chơi đặt tiền cược trên một hay nhiều con vật đã chọn với số tiền nhất định. Người làm cái lắc 03 quân xúc xắc có in hình 6 con vật trên 6 mặt, sau đó mở đĩa ra có hình con vật tương ứng trên quân xúc xắc với hình con vật người đặt cược thì người chơi thắng cược, nếu không có hình tương ứng thì người cầm cái thắng cược. Tỷ lệ ăn thua 1/1.

*Xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã trả lại:

- Bùi Văn K: 01 điện thoại di động hiệu FK05, màu đen.
- Đào Thế T: 01 điện thoại di động hiệu SSJ7, số tiền 8.050.000 đồng.
- Trần Hồng Đ: 01 điện thoại di động hiệu I7, màu đen, số tiền 4.250.000 đồng.
- Nguyễn Thế S: 01 điện thoại di động hiệu I7 Plus màu vàng hồng, số tiền 5.550.000 đồng.
- Nguyễn Việt T1: Số tiền 2.600.000 đồng.
- Nguyễn Thị A: 01 điện thoại di động hiệu I6 màu gold.
- Nguyễn Minh P: 01 điện thoại di động hiệu I6 màu vàng hồng, 01 điện thoại di động hiệu N1200.
- Nguyễn Văn G: 01 điện thoại di động hiệu N105, màu đen.
- Nguyễn Đình T: 01 điện thoại di động hiệu IIT2180, màu đen, số tiền 3.200.000 đồng.
- Lý Ngọc L: 01 điện thoại di động N6233, màu đen, số tiền 2.400.000 đồng.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKSVC ngày 10/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt tiền đối với các bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tổng số tiền 21.950.000 đồng.
+ Buộc bị cáo Bùi Văn K phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng theo quy định.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ đánh bạc gồm: 01 đĩa kim loại màu trắng, đường kính 24,5cm; 01 hộp hình trụ đường kính 16,5cm, cao 11,5cm, mặt đáy được bịt kín bằng nhựa có đường kính 16,5cm; 03 xúc xắc bằng giấy carton có kích thước 2,5cm x 2,5cm x 2,5cm, trên mặt xúc xắc có in hình bầu, cua, tôm cá, nai, gà.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên VKSND huyện Vĩnh Cửu, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo Đ, T, S, A, T, K thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và kính xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng:

- Cơ quan có thẩm quyền chưa thu thập giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù đối với bị cáo Đào Thế T; các biên lai về việc bị cáo T đã nộp số tiền 50.000 đồng án phí HSST và 50.000 đồng án phí HSPT theo Trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998 có tại hồ sơ (Bút lục số 117) để xác định bị cáo T còn hay đã được xóa án tích theo quy định.

- Cơ quan có thẩm quyền chưa xác định rõ bị cáo T có hay không có tiền án, tiền sự. Trong khi Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 584 ngày 29/6/2018 có tại hồ sơ phân lý lịch của bị cáo T về tiền án, tiền sự ghi nhận tiền án, tiền sự của bị cáo T như sau: “Tiền án, tiền sự: ”. Còn bản cáo trạng số 56/CT-VKSVC ngày 10/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai có tại hồ sơ ghi nhận tiền án, tiền sự của bị cáo T như sau: “ Tiền án, tiền sự : Không (Bút lục số 116-120 đã xóa án tích) là mâu thuẫn.

- Theo trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998 (Bút lục số 117) và Thông báo số 1539 ngày 20/5/2018 của Phòng PV27 Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục

số 116) có tại hồ sơ ghi nhận bị cáo T phạm tội “Chống người thi hành công vụ”. Trong khi đó, lý lịch của bị cáo T có tại hồ sơ (Bút lục số 115a) ghi nhận: “Năm 1998, bị cáo T có hành vi “Cố ý gây thương tích”, bị TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù giam” là mâu thuẫn.

Ngày 06/8/2018, TAND huyện Vĩnh Cửu ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 14/2018/QĐ-HS trả hồ sơ cho VKSND huyện Vĩnh Cửu điều tra bổ sung.

Ngày 07/8/2018, VKSND huyện Vĩnh Cửu có văn bản số 367/CV-VKS gửi hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu có ghi nhận nội dung:

- Trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998 của TAND tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo Đào Thế T 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/1998. Theo trích lục bản án nêu trên tại thời điểm xét xử phúc thẩm Đào Thế T đã bị tạm giam 06 tháng 06 ngày.

Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 19 ngày 21/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xác nhận Đào Thế T đã thi hành án phí HSST số tiền 50.000 đồng và án phí HSPT 50.000 đồng (Bút lục số 118).

Căn cứ khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

“2. Thời hiệu thi hành bản án đối với người bị kết án được quy định như sau:

a) 05 năm đối với trường hợp phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù 03 năm trở xuống”.

Đối chiếu với tài liệu Cơ quan điều tra xác minh tiền án, tiền sự của Đào Thế T, cơ quan chức năng tỉnh Thái Bình cung cấp thì có căn cứ xác định Đào Thế T chấp hành xong hình phạt tù. Trong trường hợp nếu Đào Thế T chưa chấp hành xong hình phạt của bản án, không có lệnh truy nã thì đến nay đã quá thời hiệu thi hành bản án thì Đào Thế T cũng không phải chấp hành bản án đã Tuyên theo khoản 1 Điều 60 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không cần phải bổ sung giấy chứng nhận ra trại của Đào Thế T và Biên lai thi hành án phí hình sự.

- Cáo trạng số 56/CT-VKSVC ngày 10/7/2018 của VKSND huyện Vĩnh Cửu xác định Đào Thế T không có tiền án, tiền sự là đúng theo khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

- Cáo trạng số 56/CT-VKSVC ngày 10/7/2018 của VKSND huyện Vĩnh Cửu xác định hậu quả chung vụ đánh bạc để truy cứu trách nhiệm hình sự là 18.650.000 đồng.

Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đình T, Lý Ngọc L tham gia đánh bạc đã nghỉ trước khi bắt quả tang. Cơ quan điều tra không chứng minh được ván bạc có hậu quả 5.000.000 đồng, chưa bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, cơ quan điều tra đã xử lý hành chính. Số tiền liên quan đến đánh bạc: 3.000.000 đồng (P) + 200.000 đồng (T) + 100.000 đồng (L) = 3.300.000 đồng.

Tổng số tiền cần tịch thu sung công quỹ là 21.950.000 đồng.

- Bản lý lịch bị can bổ sung ngày 15/6/2018, bị can T khai tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” là không chính xác. Vì từ năm 1998 đến năm 2003 Đào Thế T sinh sống tại Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” (Bút lục số 117). Từ năm 2003 đến năm 2018, Đào Thế T sống và làm việc tại ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đối tượng không có tiền án, tiền sự trong tàng thư Phòng nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Nai. Do vậy, T khai tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” là không chính xác.

Căn cứ khoản 3 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Hình sự, VKSND huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quyết định truy tố bị can như cáo trạng số: 56/CT/VKSVC, ngày 10/7/2018, chuyển hồ sơ cho Tòa án để tiến hành xét xử”.

Căn cứ Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự quy định về “Giới hạn của việc xét xử”, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Viết T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K đã khai nhận hành vi phạm tội đánh bạc của mình. Đối chiếu lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, tại hồ sơ, lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/4/2018, tại quán cà phê “L t” thuộc ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Vĩnh Cửu bắt quả tang T, Đ, S, T, A, K chơi đánh bạc bằng hình thức “Lắc bầu cua”, thu tại chiếu bạc số tiền 13.500.000 đồng; số tiền các bị cáo thừa nhận vào việc đánh bạc là 5.150.000 đồng. Hậu quả chung vụ là 18.650.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đ, T, S, A, T, K đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị VKSND huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố theo khoản điều nêu trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đồng phạm giản đơn, trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo biết việc đánh bạc bị pháp luật cấm nhưng vì háms lợi từ việc đánh bạc nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

** Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:*

- Đối với các bị cáo Đào Thế T và Trần Hồng Đ: Ngày 27/4/2018, bị cáo T mang theo 9.000.000 đồng, Đ mang theo số tiền 5.250.000 đồng. T và Đ mỗi người bỏ ra 1.000.000 đồng hùn vốn làm cái đánh bạc bằng hình thức “Lắc bầu cua”. T lắc bầu cua, còn Đ thu tiền thắng bạc và chung tiền thua bạc trong suốt quá trình đánh bạc. Như vậy, vai trò của T và Đ là ngang nhau. Khi công an bắt quả tang thì thu tại chiếu bạc số tiền 13.500.000 đồng, các bị cáo thừa nhận số tiền sử dụng đánh bạc là 5.100.000 đồng. Hậu quả chung vụ các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 18.650.000 đồng. Các bị cáo T và Đ đều có nhân thân xấu (Năm 1998, bị cáo T bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “chống người thi hành công vụ” theo Trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998; bị cáo Đ bị TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 49/HSST ngày 08/7/2003”. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội “đánh bạc” nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và cao hơn các bị cáo khác.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Viết T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S: Các bị cáo giữ vai trò ngang nhau là các con bạc tham gia đánh bạc bằng hình thức “Lắc bầu cua”. Ngày 27/4/2018, bị cáo A mang theo số tiền 2.500.000 đồng và thừa nhận sử

dụng số tiền trên vào việc đánh bạc; bị cáo S mang theo số tiền 5.900.000 đồng và thừa nhận sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc; bị cáo T mang theo số tiền 5.100.000 đồng và thừa nhận sử dụng 2.500.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi công an bắt quả tang thì thu tại chiếu bạc 13.500.000 đồng, các bị cáo thừa nhận số tiền sử dụng đánh bạc là 5.100.000 đồng. Hậu quả chung vụ các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 18.650.000 đồng. Vì vậy, cũng cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhưng thấp hơn các bị cáo T và Đ.

- Đối với bị cáo Bùi Văn K: Bị cáo là chủ quán cà phê “L t”. Theo bị cáo khai tại hồ sơ và tại phiên tòa cho rằng sòng bạc “Lắc bầu cua” tồn tại ở quán cà phê của bị cáo đã nhiều ngày nhưng bị cáo không ý kiến gì nên có cơ sở xác định bị cáo cho các đối tượng đánh bạc mượn địa điểm để đánh bạc và cung cấp dụng cụ đánh bạc. Ngày 27/4/2018, bị cáo thu tiền xâu từ việc đánh bạc được số tiền 150.000 đồng và khi công an bắt quả tang Đ, T, S, A, T đang đánh bạc thì lúc đó bị cáo cũng có mặt tại quán. Tuy không có căn cứ khởi tố bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng với những hành vi của bị cáo như đã nêu trên thì bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội “đánh bạc” cùng với các bị cáo Đ, T, S, A, T với vai trò giúp sức. Vì vậy, cũng cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân của các bị cáo:

- Các bị cáo T và Đ có nhân thân xấu: Năm 1998, bị cáo T bị TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “chống người thi hành công vụ” theo Trích lục bản án hình sự số 131 ngày 30/11/1998; bị cáo Đ bị TAND Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 49/HSST ngày 08/7/2003”.

- Các bị cáo A, S, T và K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đồng phạm giản đơn; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (đối với bị các bị cáo T và Đ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng); Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định và không nguy hiểm cho xã hội, việc cách ly các bị cáo để cải tạo, giáo dục là không cần thiết, mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Minh P, Nguyễn Văn G, Nguyễn Đình T, Lý Ngọc L tham gia đánh bạc đã nghỉ trước khi bắt quả tang. Cơ quan điều tra không chứng minh được ván bạc có hậu quả 5.000.000 đồng, chưa bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với các đối tượng Giang, Phúc, Thanh, L theo quy định của pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Xét thấy vật chứng thu giữ trong vụ án số tiền 21.950.000 đồng cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. 01 bộ dụng cụ đánh bạc gồm: 01 đĩa kim loại màu trắng, đường kính 24,5cm; 01 hộp hình trụ đường kính 16,5cm, cao 11,5cm, mặt đáy được bịt kín bằng nhựa có đường kính 16,5cm; 03 xúc xắc bằng giấy carton có kích thước 2,5cm x 2,5cm x 2,5cm, trên mặt xúc xắc có in hình bầu, cua, tôm cá, nai, gà không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Tại hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo K đều khai nhận ngày 27/4/2018, bị cáo thu tiền xâu từ việc đánh bạc bằng hình thức “Lắc bầu cua” tại quán cà phê “L t” do bị cáo làm chủ được số tiền 150.000 đồng. Đây là số tiền phạm tội mà có được cần buộc bị cáo nộp sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Viết T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Viết T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 106, 135, 136, 260, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Xử phạt bị cáo Đào Thế T số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Trần Hồng Đ số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Bùi Văn K số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước tổng số tiền 21.950.000 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Buộc bị cáo Bùi Văn K phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ đánh bạc gồm: 01 đĩa kim loại màu trắng, đường kính 24,5cm; 01 hộp hình trụ đường kính 16,5cm, cao 11,5cm, mặt đáy được bịt kín bằng nhựa có đường kính 16,5cm; 03 xúc xắc bằng giấy carton có kích thước 2,5cm x 2,5cm x 2,5cm, trên mặt xúc xắc có in hình bầu, cua, tôm cá, nai, gà.

(Theo biên lai thu tiền số 0001893 ngày 11/7/2018 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Các bị cáo Đào Thế T, Trần Hồng Đ, Nguyễn Việt T1, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thế S và Bùi Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu ;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ CSĐT công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phạm Tuấn